

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ NHA TRANG  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2019/HNGĐ-ST  
Ngày: 05/8/2019  
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG,  
TỈNH KHÁNH HÒA**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà **Bùi Thị Bích Liễu**
- **Các Hội thẩm nhân dân:**
  1. Ông **Nguyễn Đức Đẹp**,
  2. Bà **Nguyễn Thị Tĩnh**.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Phạm Hồng Phương Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà **Lê Ánh Dương**- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 80/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2019 về việc “**Ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **62/2019/QĐST-HNGĐ** ngày 26 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông **Huỳnh Tấn V**, sinh năm 1970  
Địa chỉ: 2/1 Đô L, phường Phước H, Nha T. Vắng mặt.
2. **Bị đơn:** Bà **Nguyễn Thị Kim L**, sinh năm 1973  
Địa chỉ: 2/1 Đô L, phường Phước H, Nha T. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 03/01/2019, bản tự khai ngày 15/3/2019, biên bản hòa giải ngày 14/5/2019, nguyên đơn – ông Huỳnh Tấn V trình bày: Ông Huỳnh Tấn Vinh và bà Nguyễn Thị Kim L tự nguyện kết hôn với nhau năm 2013 tại Ủy ban nhân dân phường Phước H, Nha T. Trong cuộc sống chung hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến không thể hàn gắn được. Nay ông V nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với bà L được nữa nên yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết cho ông được ly hôn với bà L.

**Về con chung:** Không có

**Về tài sản chung, nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại bản tự khai ngày 12/4/2019, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L trình bày: Bà có nguyện vọng Tòa án cho bà một tháng để hòa giải với ông Huỳnh Tấn V. Hết một tháng nếu không hòa giải được thì bà đồng ý ly hôn và xin vắng mặt trong các buổi làm việc tại tòa, không yêu cầu Tòa án gửi văn bản tố tụng cho bà.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

### [1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Huỳnh Tấn Vinh và bà Nguyễn Thị Kim L là vợ chồng, có đăng ký kết hôn và bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố Nha T, tỉnh Khánh H. Do trong cuộc sống vợ chồng ông V và bà L xảy ra nhiều mâu thuẫn nên dẫn đến việc ông V xin ly hôn. Xét việc ly hôn của ông V là đúng pháp luật, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang theo quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình và Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự tố tụng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Trong đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành thủ tục xác minh tình trạng hôn nhân, nguyện vọng của vợ, chồng, con có liên quan đến vụ án đang giải quyết. Theo biên bản xác minh ngày 24/6/2019 tại Ủy ban nhân dân phường Phước H, thành phố Nha T thì địa phương không cung cấp thông tin mâu thuẫn gia đình cho Tòa án được vì việc mâu thuẫn giữa ông Huỳnh Tấn V và bà Nguyễn Thị Kim L không qua tổ hòa giải tại tổ dân phố.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Thị Kim L có ý kiến xin giải quyết vắng mặt. Nguyên đơn vì lý do làm ăn xa đi lại khó khăn nên có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

### [2] Về nội dung:

**[2.1] Về quan hệ hôn nhân:** Ông Huỳnh Tấn V và bà Nguyễn Thị Kim L kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phước H, Nha T (theo giấy chứng nhận kết hôn số 82/2013, quyển số 01/2013, cấp ngày 19/9/2013). Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo lời khai của ông V cho thấy vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất hòa giữa hai bên **thường xuyên xảy ra làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình, cuộc sống ngày càng không có tiếng nói chung**. Nay ông V nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với bà L được nữa vì mâu thuẫn đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết cho ông được ly hôn với bà L. Mặt khác, bà L mong muốn Tòa án cho thời gian một tháng để được hòa giải với ông V, nếu hết thời gian trên thì bà L đồng ý ly hôn và yêu cầu Tòa án cứ giải quyết vụ án vắng mặt bà theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử thấy rằng cuộc sống chung của ông V và bà L có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, yêu cầu xin ly hôn của ông V là có cơ sở và hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ và phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

**Về con chung:** Không có

**Về tài sản chung, nợ chung:** Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**Về án phí:** Ông V phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn; con chung không có; tài sản chung, nợ chung ông V không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 227 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

### **Tuyên xử:**

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ông Huỳnh Tấn V được ly hôn bà Nguyễn Thị Kim L.

**2. Về con chung:** Không có.

**3. Về tài sản chung, nợ chung:** Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**4. Án phí:** Ông Huỳnh Tấn V phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0010743 ngày 27/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Ông V đã nộp đủ án phí.

**5. Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**\* Nơi nhận:**

- VKSND TP. Nha Trang;
- Đường sự;
- Chi cục THADS NT;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- UBND phường Phước H, Nha T;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Bùi Thị Bích Liễu**